

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huyền - Phó trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Lý Ba Duy - Cán bộ Ủy ban nhân dân thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Kim Thị Thanh Thuý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2024/HSST, ngày 17 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HS ngày 08/11/2024 đối với bị cáo:

Tăng Thị Thùy L, sinh ngày: 04/02/2007 (tính đến thời điểm phạm tội 17 tuổi 06 tháng 03 ngày); Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm N, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Không nghề; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Tăng Văn Q, sinh năm 1984. Con bà: Linh Thị N, sinh năm 1983; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có Chồng, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2024 tại Nhà giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Nguyên đến nay.

Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Linh Thị N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Vi Khánh P – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

Có mặt tại phiên toà.

- **Bị hại:** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Có mặt tại phiên toà.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Đặng Quang K, sinh ngày 10/10/2010;

Địa chỉ: TDP D, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Quang K: Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: TDP D, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà.

+ Ông Vũ Đình C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Có mặt tại phiên toà.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cho anh Đặng Quang K:** Bà Lê Thúy H1 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

Có mặt tại phiên toà.

- **Người làm chứng:**

+ Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Xóm V, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt tại phiên toà.

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2024 Tăng Thị Thùy L, sinh ngày 04/02/2007, trú tại xóm N, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên đi làm thuê ở gần khu vực nhà máy S1, P, tỉnh Thái Nguyên đã gặp và phát sinh tình cảm với Đặng Quang K, sinh ngày 10/10/2010, trú tại tổ dân phố D, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 06/8/2024 K và L rủ nhau đến tổ dân phố V, phường V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang tìm việc làm, tại đây K và L được anh Dương Văn B, sinh năm 1994, trú

quán: thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhận vào làm phục vụ quán Karaoke, sau đó anh B đưa K và L về phòng trọ tại tổ dân phố V, phường V, thị xã V chờ làm việc, đồng thời đã giao cho K chiếc xe mô tô SUZUKI SMASH BKS 98M3-4755 đăng ký mang tên Dương Văn T2, sinh năm 1961, địa chỉ Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (ông T2 là bố đẻ của B) để K chở nhân viên đi làm. Do không muốn làm nữa, nên K nảy sinh mục đích chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh B để làm phương tiện đi về quê. Sau đó K nói với L là “Làm ở đây không ổn, thôi đi về” L nói “Lấy tiền đâu mà về” thấy L nói vậy K chỉ vào chiếc xe mô tô BKS 98M3 - 4755 của anh B đã giao cho K trước đó, và nói “Nhảy con xe này về”, L đồng ý. Cùng ngày 06/8/2024, lợi dụng lúc anh B không có mặt ở phòng trọ K điều khiển xe trên chở L về xã B, huyện V, nhưng không vào nhà L mà đi về nhà K ở thành phố P. Khi đi đến địa phận xóm N, xã L, huyện V thì xe bị hết xăng nên K và L dắt xe đi được khoảng 200m thì nghỉ tại đường bê tông đường vào nhà ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1976 ở xóm N, xã L, huyện V ngay sát đường ĐT 269D. Tại đây cả hai nhìn thấy trong sân nhà ông T có để 01 xe mô tô hiệu JUPITER BKS 29T3 - 4932 có cấm chìa khoá ở ổ khoá. K và L tiếp tục dắt xe đi tiếp được khoảng 300m nữa nhưng thấy mệt không đi tiếp được nữa, nên K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của ông T để làm phương tiện di chuyển nên K đã nói với L “Quay lại lấy xe kia”, L đồng ý. Sau đó K và L bỏ lại xe mô tô BKS 98M3 - 4755 bên lề đường rồi cùng nhau quay lại nhà ông T, đến nơi K bảo L đứng đợi ở đường để cảnh giới, còn K mở cổng vào sân dắt trộm xe mô tô BKS 29T3 - 4932 ra khỏi cổng, sau đó nổ máy đi xuống đường bảo L ngồi lên xe đi đến vị trí để xe mô tô BKS 98M3 - 4755 lấy túi quần áo rồi cả hai đi về hướng thành phố T để về nhà của K. Khi đi đến địa phận phường T, thành phố T mặt đường gồ ghề làm xe và người ngã xuống đường, dẫn đến xe không nổ máy được, K và L dắt xe đi khoảng 100m nữa thì bỏ lại xe bên lề đường và xin đi nhờ xe của người đi đường về nhà K. Đến chiều ngày 07/8/2024 K cùng L đi xe Taxi từ thành phố P đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình để tìm việc làm, đến nơi K và L gặp được anh Nguyễn Hữu N2, sinh năm 1996, nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình là chủ quán Karaoke trả tiền xe và bố trí cho vào khu dịch vụ có việc gì thì làm tại số nhà D, đường N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Đến chiều ngày 08/8/2024 K đổi ý không muốn làm nữa muốn về nhà nên nảy sinh mục đích chiếm đoạt xe mô tô của anh N2 làm phương tiện đi về. K muốn L về cùng nên K nói với L “Đi mua thuốc sát trùng vết thương không”, L nói “Có tiền đâu”, K nói tiếp “Khác có” rồi K đi mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA BKS 17B8- 641.51 của anh N2 và nói dối là đi mua thuốc cho L. Khi được anh N2

cho mượn xe, K điều khiển xe chở L ra ngoài đường, nhưng K không đi mua thuốc mà nói với L là “Đi về”, L đồng ý cùng K đi bằng xe mô tô trên về P, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 10/8/2024 K cùng L đem xe mô tô trên đến quán Internet ở tổ dân phố G, phường Đ, thành phố P chủ quán là chị Dương Thị S, sinh năm 1996, trú quán: xóm T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên để cầm cố chiếc xe trên được 2.500.000 đồng, K đưa cho L 500.000 đồng còn K giữ 2.000.000 đồng, số tiền này K và L đã cùng nhau chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất xe ông Nguyễn Hữu T đã trình báo Công an xã L đề nghị giải quyết. Quá trình làm việc Công an xã L phát hiện và thu giữ chiếc xe mô tô BKS 98M3-4755 do K và L bỏ lại ở lề đường tại xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 07/8/2024, anh Hoàng Minh T3, sinh năm 2002, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên là nhân viên Công ty TNHH M thuộc tổ E, phường T, thành phố T chiếc xe mô tô BKS 29T3 - 4932 bỏ lại ở gần cửa hàng của mình, nên đã trình báo Công an phường T tạm giữ để giải quyết, đến ngày 14/8/2024 đã bàn giao cho Công an xã L để giải quyết theo quy định.

Ngày 15/8/2024 Công an xã L đã bàn giao vụ việc trên cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận vụ việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã đến làm việc với anh Nguyễn Đình T4. Quá trình làm việc anh T4 đã tự giác giao nộp chiếc xe mô tô BKS 17B8 - 641.51 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 16/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, kết luận: 01 xe mô tô BKS 29T3 – 4932 nhãn hiệu YAMAHA, số loại JUPITER có giá trị còn lại thực tế là: 2.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 42/CT- VKSVN ngày 16/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Tăng Thị Thùy L về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 BLHS; xử phạt: bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét vì bị hại không yêu cầu.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Trả lại cho bị hại ông Nguyễn Hữu T:

- 01 xe mô tô BKS 29T3 – 4932 cũ đã qua sử dụng, xe không có gương, yếm vỡ, nhãn hiệu YAMAHA, số hiệu JUPITER, có số máy: 5VT136584, số khung: VYAJ5VT14YA036584;, không có đèn xi nhan phía sau.

- 01 đăng ký xe mô tô số 0405462 mang tên Phạm Quốc H2, địa chỉ Đ, Cục Q1, Xuân Phương TL cấp ngày 03/6/2024.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo

Trong phần tranh luận: Bị cáo; đại diện hợp pháp của bị cáo, Người bào chữa cho Bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Tăng Thị Thùy L: Xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, không bị oan. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi phạm tội ở tuổi vị thành niên nên nhận thức về pháp luật của bị cáo còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo để có quyết định thấu tình đạt lý cho bị cáo mức án thấp nhất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cho Đặng Quang K: Nhất trí với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát. Đối với anh Đặng Quang K khi thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 29T3-4932 của ông Nguyễn Hữu T, anh K được 13 tuổi 09 tháng 27 ngày chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Anh K không có đề nghị gì, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện V trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và nghĩa vụ cho người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của Đặng Quang K, lời khai của bị hại, vật chứng đã thu giữ, lời khai của những người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, với chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Rạng sáng ngày 07/8/2024 tại xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Tăng Thị Thùy L, sinh ngày 04/02/2007 thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô BKS 29T3-4932, nhãn hiệu YAMAHA, số loại JUPITER của ông Nguyễn Hữu T có giá trị là 2.600.000 đồng. Đến nay ông Nguyễn Hữu Thám K1 yêu cầu L phải bồi thường.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Điều 173 quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mình đã gây ra.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo Tăng Thị Thùy L khi phạm tội mới được 17 tuổi 06 tháng 03 ngày, đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên cũng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời

gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đều trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi nên áp dụng những quy định về xử lý đối với người dưới 18 tuổi. Cụ thể về hình phạt, áp dụng Điều 101 Bộ luật hình sự bị cáo chỉ phải chịu hình phạt không quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt tù mà điều luật quy định.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là vị thành niên, không có tài sản gì, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo năm 2024 nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà Bị hại ông Nguyễn Hữu T không có yêu cầu gì đối với bị cáo Tăng Thị Thùy L nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015

Trả lại cho bị hại ông Nguyễn Hữu T:

- 01 xe mô tô BKS 29T3 – 4932 cũ đã qua sử dụng, xe không có gương, yếm vỡ, nhãn hiệu YAMAHA, số hiệu JUPITER, có số máy: 5VT136584, số khung: VYAJ5VT14YA036584; không có đèn xi nhan phía sau; 01 đăng ký xe mô tô số 0405462 mang tên Phạm Quốc H2, địa chỉ Đ, Cục Q1, Xuân Phương TL cấp ngày 03/6/2024.

[7] Về Án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo năm 2024.

[8]Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo; Bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án này, đối với Đặng Quang K khi thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 29T3-4932 của ông Nguyễn Hữu T, K được 13 tuổi 09 tháng 27 ngày chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với K.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên L còn có hành vi chiếm đoạt xe mô tô BKS 98M3-4755, nhãn hiệu SUZUKI, số loại SMASH của anh Dương Văn B tại tổ dân phố V, phường V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang và chiếc xe mô tô BKS 17B8 - 641.51, nhãn hiệu HONDA, số loại VAWA ALPHA của anh Nguyễn Hữu N2 tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tách tài liệu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị

xã V, tỉnh Bắc Giang và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Thái Bình để điều tra theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Tăng Thị Thùy L phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Tăng Thị Thùy L 09 (chín) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/8/2024.

Quyết định tạm giam bị cáo Tăng Thị Thùy L 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì bị hại không yêu cầu.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Trả lại cho bị hại ông Nguyễn Hữu T:

- 01 xe mô tô BKS 29T3 – 4932 cũ đã qua sử dụng, xe không có gương, yếm vỡ, nhãn hiệu YAMAHA, số hiệu JUPITER, có số máy: 5VT136584, số khung: VYAJ5VT14YA036584; không có đèn xi nhan phía sau; 01 đăng ký xe mô tô số 0405462 mang tên Phạm Quốc H2, địa chỉ Đ, Cục Q1, Xuân Phương TL cấp ngày 03/6/2024.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tăng Thị Thùy L.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo; Bị hại; Người bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- CCTHADS huyện Võ Nhai;
- Công an huyện Võ Nhai;
- Bị cáo; Người bào chữa;

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người có QL&Nghĩa vụ liên quan;
- người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Hoàng Thị Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Huyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- CCTHADS huyện Võ Nhai;
- Công an huyện Võ Nhai;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người có QL&Nghĩa vụ liên quan;
- người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huyền

- UBND xã;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

